

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2020
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2020 ĐẾN 30/06/2021)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 25

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		683.250.194.546	584.148.780.671
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	1	15.155.763.588	21.977.130.971
1. Tiền		111		15.155.763.588	21.977.130.971
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Kinh doanh chứng khoán		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		356.666.438.129	367.504.207.926
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	2.1	44.594.992.174	70.101.753.933
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	2.2	235.596.791.105	222.124.045.574
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Các khoản phải thu khác		136	3.1	91.137.776.612	90.120.668.036
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		137	4	(14.663.121.762)	(14.842.259.617)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		221.431.780.542	191.393.727.287
1. Hàng tồn kho		141	5	224.711.399.684	194.673.346.429
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		149		(3.279.619.142)	(3.279.619.142)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		89.996.212.287	3.273.714.487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	6	89.996.212.287	3.273.714.487
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1.622.083.633.937	1.605.172.194.888
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		14.085.024.989	14.820.024.989
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	3.2	14.085.024.989	14.820.024.989
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		970.814.897.135	1.040.512.478.687
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	7	940.239.856.698	1.009.786.821.483
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.490.905.412.764	2.630.044.445.073
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.550.665.556.066)	(1.620.257.623.590)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	8	30.575.040.437	30.725.657.204
	<i>Nguyên giá</i>	228		41.498.657.235	41.498.657.235
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.923.616.798)	(10.773.000.031)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		299.302.455.549	262.606.740.765
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	299.302.455.549	262.606.740.765
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	304.743.431.344	254.127.382.291
1.	Đầu tư vào công ty con	251		268.025.038.981	217.408.989.928
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.500.000.000	36.500.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.251.145.800	5.251.145.800
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(35.032.753.437)	(35.032.753.437)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30.000.000.000	30.000.000.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		33.137.824.920	33.105.568.156
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	6	33.137.824.920	33.105.568.156
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		2.305.333.828.483	2.189.320.975.559

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II -Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		781.161.030.624	671.561.413.329
I. Nợ ngắn hạn		310		682.108.273.178	582.666.092.120
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	11	90.598.912.159	105.492.166.838
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	12	98.439.510.327	10.521.680.617
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	13	1.469.488.009	13.584.825.196
4. Phải trả người lao động		314		10.942.905.854	12.678.607.480
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	14	7.914.603.094	7.064.402.937
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		0	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	15	7.697.254.656	13.526.367.061
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	16	462.727.393.505	418.867.015.964
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		2.318.205.574	931.026.027
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		99.052.757.446	88.895.321.209
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác		337		41.453.260.093	39.218.905.093
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	17	12.735.000.000	3.470.000.000
8. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	18	44.864.497.353	46.206.416.116

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.524.172.797.859	1.517.759.562.230
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.497.434.458.148	1.489.628.322.657
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		180.176.411.784	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(32.871.691.000)	(32.871.691.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		580.200.492.310	577.724.410.652
9. Quỹ hỗ trợ xấp xỉ doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.929.245.054	64.599.191.221
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63.823.396.117	6.862.592.204
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.105.848.937	57.736.599.018
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí	430		26.738.339.711	28.131.239.573
1. Nguồn kinh phí	431	20	5.254.674.235	5.340.121.039
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	21	21.483.665.476	22.791.118.534
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.305.333.828.483	2.189.320.975.559

0

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Quý II - Từ ngày 01/10/2020 đến 31/12/2020

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ 01/07 đến 31/12	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	331.880.608.699	436.964.488.706	468.062.219.397	630.250.505.422
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	331.880.608.699	436.964.488.706	468.062.219.397	630.250.505.422
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	309.912.446.175	387.459.315.196	426.327.174.646	561.320.177.090
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.3	21.968.162.524	49.505.173.510	41.735.044.751	68.930.328.332
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.090.891.793	557.944.573	1.725.062.009	1.273.987.504
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	1.674.132.649	10.575.050.949	7.896.103.186	19.255.715.034
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		313.939.060	7.377.098.217	6.224.830.713	14.378.975.341
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.428.567.988	11.657.208.050	14.706.447.478	15.790.433.511
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.307.823.202	12.275.607.987	14.351.517.955	19.293.641.400
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.648.530.478	15.555.251.097	6.506.038.141	15.864.525.891
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	7.008.869.607	30.935.535	7.025.637.507	48.296.497
12.	Chi phí khác	32	VI.8	5.279.629.195	1.551.815.483	6.122.944.491	1.590.139.664
13.	Lợi nhuận khác	40		1.729.240.412	(1.520.879.948)	902.693.016	(1.541.843.167)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.377.770.890	14.034.371.149	7.408.731.157	14.322.682.724
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		924.117.683	2.105.155.717	1.302.882.220	2.598.121.404
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.453.653.207	11.929.215.432	6.105.848.937	11.724.561.320

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2021

Kế toán trưởng



Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Lê Thu Thủy



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 1/7/2020 đến 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.408.731.157	14.322.682.724
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	72.039.282.312	35.439.799.354
- Các khoản dự phòng	03	238.229.695	1.676.251.296
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	257.337.662	(39.647.277)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.589.552.387)	2.211.835.023
- Chi phí lãi vay	06	6.224.830.713	14.378.975.341
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	81.578.859.152	67.989.896.461
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(34.255.231.270)	(17.881.852.261)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(30.038.053.255)	171.792.198.102
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	35.414.917.189	6.927.869.475
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(88.628.732.623)	(21.770.145.654)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(14.201.703.598)	(14.535.639.989)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(4.848.021.263)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	95.992.272	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.481.801.973)	(2.453.417.991)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(52.515.754.106)	185.220.886.880
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.865.990.818)	(171.308.683.408)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	7.700.000.000	(36.470.630.600)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.740.630.600
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		25.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		788.164.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.834.009.182	(175.250.518.431)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	525.701.893.505	365.860.317.732
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(481.841.515.964)	(360.155.363.024)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	43.860.377.541	5.704.954.708
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.821.367.383)	15.675.323.157
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.977.130.971	13.619.980.272
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	15.155.763.588	29.295.303.429

Lập ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà



Lê Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/10/2020 đến 31/12/2020, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chi tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.124.597.813	252.843.555
Tiền gửi ngân hàng	14.031.165.775	21.724.287.416
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>15.155.763.588</u>	<u>21.977.130.971</u>

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Miền Trung	-	19.284.898.500
Công ty TNHH RED BULL Việt Nam	4.067.458.960	-
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Bắc Ninh	15.007.860.000	29.266.075.125
Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	5.957.670.771	2.511.438.306
Các khoản phải thu khách hàng khác	19.544.002.443	19.039.342.002
Cộng	<u>44.594.992.174</u>	<u>70.101.753.933</u>

2.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán tại XNNL	119.479.115.854	148.517.211.418
Trả trước cho người bán tại VPCT	116.117.675.251	71.204.076.156
Trả trước cho người bán tại các đơn vị	-	2.402.758.000
Cộng	<u>235.596.791.105</u>	<u>222.124.045.574</u>

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	32.864.464.128.	25.242.404.395
Công ty TNHH TT NC & PT Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	24.077.695.983	23.444.838.329
Công ty CP rượu Việt Nam – Thụy Điển	8.504.060.306	8.504.060.306
Tạm ứng	7.527.494.743	6.673.199.119
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	123.880	57.075.880
Các khoản phải thu khác	18.163.937.572	26.199.090.007
Cộng	<u>91.137.776.612</u>	<u>90.120.668.036</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	13.350.024.989	13.350.024.989
Cộng	13.350.024.989	13.350.024.989

4. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Số đầu năm	(14.842.259.617)
Dự phòng trích lập trong năm	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	179.137.855
Số cuối năm	(14.663.121.762)

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	288.422.659	308.108.899
Nguyên liệu, vật liệu	57.185.157.542	22.371.585.642
Công cụ, dụng cụ	2.064.037.118	1.207.333.101
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.758.961.302	3.228.797.207
Thành phẩm	105.624.007.445	122.377.011.954
Hàng hóa	12.790.813.617	45.180.509.626
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.279.619.142)	(3.279.619.142)
Cộng	221.431.780.542	191.393.727.287

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**Ngắn hạn**

Số đầu năm	3.273.714.487
Số cuối kỳ	89.996.212.287

Dài hạn

Số đầu năm	33.105.568.156
Số cuối kỳ	33.137.824.920

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	507.354.157.227	2.047.701.303.322	52.412.000.843	20.493.766.738	533.389.998	2.630.044.445.073
Tăng trong kỳ	103.673.636	5.762.317.182	-	-	-	5.865.990.818
Mua sắm mới	103.673.636	5.762.317.182	-	-	-	5.865.990.818
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
Tăng khác	48.332.222.914	89.967.441.264	6.526.474.885	178.884.064	-	145.005.023.127
Giảm trong kỳ	48.332.222.914	89.967.441.264	6.526.474.885	178.884.064	-	145.005.023.127
Giảm do thanh lý nhượng bán						
Giảm khác						
Số cuối năm	459.125.607.949	1.965.046.006.185	45.885.525.958	20.314.882.672	533.390.000	2.490.905.412.764
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	275.182.656.743	1.276.896.040.238	47.552.611.610	20.200.179.319	390.912.340	1.620.222.400.250
Tăng trong kỳ	8.628.840.176	62.428.247.795	772.805.312	54.424.434	4.347.828	71.888.665.545
Khấu hao trong kỳ	8.628.840.176	62.428.247.795	772.805.312	54.424.434	4.347.828	71.888.665.545
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL						
Tăng khác	47.047.109.185	87.728.264.935	6.526.474.885	178.884.064	-	141.480.733.069
Giảm trong kỳ	47.047.109.185	87.728.264.935	6.526.474.885	178.884.064	-	141.480.733.069
Giảm do thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	236.764.387.734	1.251.631.246.438	41.798.942.037	20.075.719.689	395.260.168	1.550.665.556.066
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	232.171.500.484	772.319.866.689	4.859.389.233	293.587.417	142.477.660	1.009.786.821.483
Số cuối kỳ	222.361.220.215	713.414.759.747	4.086.583.921	239.162.983	138.129.832	940.239.856.698

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.195.577.517	9.303.079.718	41.498.657.235
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
Số cuối kỳ	32.195.577.517	9.303.079.718	41.498.657.235
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.562.560.308	9.210.439.723	10.773.000.031
Tăng trong kỳ do khấu hao	139.036.767	11.580.000	150.616.767
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	1.701.597.075	9.222.019.723	10.923.616.798
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	30.633.017.209	92.639.995	30.725.657.204
Số cuối kỳ	30.493.980.442	81.059.995	30.575.040.437

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ GIANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án đầu tư công viên sinh thái tre, luồng Thanh Tam	155.452.485.928	134.301.785.525
Dự án nhà máy chế biến sữa gạo	100.495.574.893	31.042.259.559
Dự án Trầm Hương	9.033.126.492	8.542.424.462
Dự án khác	3.954.935.032	58.353.938.015
Cộng	299.302.455.549	262.606.740.765

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	268.025.038.981	217.408.989.928
<i>Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn</i>	<i>8.300.000.000</i>	<i>8.300.000.000</i>
<i>Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng</i>	<i>62.016.049.053</i>	<i>11.400.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn</i>	<i>13.950.000.000</i>	<i>13.950.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng</i>	<i>21.396.593.886</i>	<i>21.396.593.886</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước</i>	<i>13.500.000.000</i>	<i>13.500.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn</i>	<i>9.862.396.042</i>	<i>9.862.396.042</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn</i>	139.000.000.000	139.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	36.500.000.000	36.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	21.500.000.000	21.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân</i>	15.000.000.000	15.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.251.145.800	5.251.145.800
<i>Tổng Công ty Mía đường I</i>	2.974.645.800	2.974.645.800
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà</i>	2.276.500.000	2.276.500.000
Đầu tư dài hạn khác	30.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(35.032.753.437)	(35.032.753.437)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tại XNNL	23.434.220.890	47.393.507.861
Phải trả tại VPCT	65.709.342.567	56.643.539.124
Phải trả tại các đơn vị	1.455.348.702	1.455.119.853
Cộng	90.598.912.159	105.492.166.838

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toàn Lộc	34.958.396.072	334.643.967
Công ty TNHH Kim Hà Việt	5.059.257.000	1.359.257.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	58.421.857.255	8.827.779.650
Cộng	98.439.510.327	10.521.680.617

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	(1.690.034.694)	8.289.851.830
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.159.522.703	5.294.973.366
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	1.469.488.009	13.584.852.196

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngọn mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Cồn, điện	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý II năm 2020/2021:

	<u>Năm nay</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.377.770.890
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
<i>Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất</i>	743.013.663
<i>Các khoản phạt</i>	-
<i>Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách</i>	40.000.000
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	6.160.784.553
Thuế TNDN hiện hành	924.117.683
Thuế TNDN năm trước	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.453.653.207

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả	7.914.603.094	7.064.402.937
Cộng	7.914.603.094	7.064.402.937

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội	1.176.098.608	1.724.422.916
Kinh phí công đoàn	1.853.796.946	1.847.733.346
Hoàn ứng	492.387.778	287.999.202
Phải thu ngắn hạn khác	1.188.413.919	2.334.911.030
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.986.557.405	7.331.300.567

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>7.697.254.656</u>	<u>13.526.367.061</u>

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay tổ chức khác	-	-
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	462.727.393.505	416.950.390.964
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.916.625.000
Cộng	<u>462.727.393.505</u>	<u>418.867.015.964</u>

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ dài hạn	12.735.000.000	3.470.000.000
Cộng	<u>12.735.000.000</u>	<u>3.470.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong kỳ</u>	<u>Số tiền trả /giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay đối tượng khác	3.470.000.000	10.000.000.000	735.000.000	12.735.000.000
Cộng	<u>3.470.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>735.000.000</u>	<u>12.735.000.000</u>

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	44.864.497.353	46.206.416.116
Cộng	<u>44.864.497.353</u>	<u>46.206.416.116</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SON

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	575.358.962.809	44.583.488.964	1.467.247.172.557
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	24.760.816.576	24.760.816.576
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.365.447.843)	(2.365.447.843)
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.365.447.843	(2.365.447.843)	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-
Các khoản khác	-	-	-	-	(14.218.633)	(14.218.632)
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	577.724.410.652	64.599.191.221	1.489.628.322.657
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	575.358.962.809	44.583.488.964	1.467.247.172.557
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận các năm nay	-	-	-	-	6.105.848.937	6.105.848.937
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.476.081.658	(2.476.081.658)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.476.081.658)	(2.365.447.843)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-
Các khoản khác	-	-	-	-	4.176.368.212	4.176.368.212
Số dư cuối kỳ	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	580.200.492.310	69.929.245.054	1.497.434.458.148

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Cộng	<u>880.176.411.784</u>	<u>880.176.411.784</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.005.050	3.005.050
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.994.950	66.994.950
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	66.994.950	66.994.950

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

20. NGUỒN KINH PHÍ

Số đầu năm	5.340.121.039
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	4.403.800.000
Chi sự nghiệp	(4.489.246.804)
Số cuối kỳ	<u>5.254.674.235</u>

21. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ

Số đầu năm	22.791.118.534
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	(1.307.453.058)
Số cuối kỳ	<u>21.483.665.476</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NĂM TÀI CHÍNH 2020/2021:**VI.1 - DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	331.880.608.699	436.964.488.706
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	331.880.608.699	436.964.488.706

VI.2 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng bán	309.912.446.175	387.459.315.196

VI.3 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ hoạt động tài chính	1.090.891.793	557.944.573
Cộng	1.090.891.793	557.944.573

VI.4 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài chính	1.674.132.649	10.575.050.949
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>313.939.060</i>	<i>7.377.098.217</i>

VI.5 - CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	1.783.312.437	1.073.053.981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.509.948.325	582.611.586
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	203.541.707	85.487.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.688.007.160	9.290.047.149
Chi phí bằng tiền khác	1.243.758.359	566.592.299
Cộng	8.428.567.988	11.657.208.050

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI.6 - CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	5.113.701.759	6.277.338.658
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.145.988.789	1.145.988.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.134.799.231	4.601.267.818
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	913.333.423	251.012.722
Cộng	9.307.823.202	12.275.607.987

VI.7 - THU NHẬP KHÁC

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	7.008.869.607	30.935.535

VI.8 - CHI PHÍ KHÁC

	Giai đoạn 01/10 đến 31/12	
	Năm nay	Năm trước
Cộng	5.279.629.195	1.551.815.483

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020-2021	6.105.848.937
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	66.994.950

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	66.994.950
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>66.994.950</u>

VII – NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2020</u>	<u>30/06/2020</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		31/12/2020	30/06/2020
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	29,64	27,9
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	70,36	72,1
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	33,88	31,62
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	66,12	68,38
Khả năng thanh toán		31/12/2020	30/06/2020
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,95	3,16
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,01	1,01
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,01
Tỷ suất sinh lời từ 01/07 đến 31/12:		Năm nay	Năm trước
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	1,58	2,17
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	1,30	1,80
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	1,58	2,17
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	1,30	1,80
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0,32	1,48
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0,26	1,22
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	0,40	1,79

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/10/2020 đến 31/12/2020, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 331.880.608.699 đồng; Trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm sau đường là 319.290.148.745 đồng chiếm tỷ trọng 96,2% ; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 4% trên tổng doanh thu. Do đó, Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ từ 01/10/2020 - 31/12/2020, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Trả trước cho người bán			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	7.118.873.697	4.634.278.861
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	18.437.012.179	28.863.282.178
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	5.946.915.505	4.571.779.807
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	32.864.464.128	25.242.404.395
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	24.077.695.983	23.444.838.329
Phải thu dài hạn khác			
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	13.350.024.989	13.350.024.989

4. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:

Lợi nhuận sau thuế quý II năm tài chính giai đoạn từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021 đạt 4.453.653.207 đồng, giảm so với cùng kỳ năm 2019/2020, một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý II - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/10 đến 31/12		
		Năm nay(đ)	Năm trước(đ)	Tăng giảm(%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	331.880.608.699	436.964.488.706	(24)
2	Giá vốn hàng bán	309.912.446.175	387.459.315.196	(20)
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.968.162.524	49.505.173.510	(55,6)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1.090.891.793	557.944.573	95,5
5	Chi phí bán hàng	8.428.567.988	11.657.208.050	(27,7)
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.377.770.890	14.034.371.149	(61,8)

Nguyên nhân :

Lợi nhuận kế toán trước thuế quý II năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2021 đạt 5.377 triệu đồng, giảm 24% so với cùng kỳ quý II năm 2019/2020.

Doanh thu, giá vốn và chi phí năm nay đều giảm hơn 20% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu từ hoạt động tài chính thì tăng hơn 95,5% so với cùng kỳ năm trước.

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân